

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẮNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07/9/2023

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẮNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Luân và bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Dương Thị Sen- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXX- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình K, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường D, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Có mặt

Bị đơn: Chị Hồ Thị A, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn và quá trình xét xử, anh Nguyễn Đình K là nguyên đơn trình bày: Anh và chị Hồ Thị A kết hôn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại UBND phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sinh sống và làm ăn tại tổ dân phố H, phường D, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi nhau. Tháng 6/2022 chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn D, xã Đ, huyện Kim Bảng sống, vợ chồng anh sống ly thân mỗi người một nơi và chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa

án xem xét, giải quyết được ly hôn với chị A.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 8 năm 2023, chị Hồ Thị A là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, mâu thuẫn của vợ chồng và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như anh K trình bày. Nay anh K ly hôn chị, chị đồng ý ly hôn.

Về con: Anh K và chị A cùng thống nhất trình bày không có.

Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp, công nợ: Anh K và chị A cùng thống nhất trình bày không có.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 57 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Đình K. Xử thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đình K và chị Hồ Thị A. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Đình K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Hồ Thị A là bị đơn; địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Hồ Thị A đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, không ai đề nghị hoãn phiên tòa nên đây là trường hợp bị đơn vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đình K và chị Hồ Thị A kết hôn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại UBND phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và làm ăn tại tổ dân phố H, phường D, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu

là do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi nhau. Tháng 6/2022 chị Anh đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn D, xã Đ, huyện Kim Bảng sống, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi và chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ đó cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Qua tài liệu xác minh, lời thừa nhận của đương sự thì mâu thuẫn của vợ chồng anh K, chị A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh K xin ly hôn chị A nhất trí, cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa anh K và chị A là tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con: Không có.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Anh K, chị A thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm. Tại phiên tòa, anh K xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm (anh K xin chịu thay cả phần án phí ly hôn sơ thẩm của chị A). Xét thấy, sự tự nguyện của đương sự là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 57 Luật hôn nhân gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đình K và chị Hồ Thị A.

2. Án phí: Anh K chịu 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (anh K xin chịu thay cả phần án phí ly hôn của chị A) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0002128 ngày 12/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Hoàn trả lại cho anh K số tiền 150.000đồng.

4. Quyền kháng cáo: Anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND phường Duy Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt